

Bản án số: 69/2019/DS-PT.
Ngày 05 - 4 - 2019.
V/v tranh chấp “quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.
Các thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca.
Bà Trần Thị Ngọc Dung.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLPT - DS ngày 26 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp “quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc A, sinh năm 1942; cư trú tại: Ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Ngọc A: Luật sư Lê Tấn Ph – Văn phòng Luật sư Đ– Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị H: Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1976; cư trú tại: Số C, đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1966; cư trú tại: Số H, ấp T, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1968 (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953 (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Mai L1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Hoàng M1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

8. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp Th, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

9. Ông Lê Văn B, sinh năm 1933; cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

10. Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long – Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Chức vụ - Chủ tịch (có văn bản xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2011, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/6/2011 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Ngọc A trình bày:*

Vào năm 1969 cha, mẹ bà A là cụ Lê Văn L (chết năm 1971) và cụ Nguyễn Thị X (chết năm 1974) nói miệng tặng cho bà A diện tích 300m² đất thổ cư để cất nhà ở, nay thuộc thửa 585 do bà Lê Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cấp ngày 29/4/2009, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Bà A cất nhà ở và nhiều lần sửa chữa, đến năm 2005 bà A xây nhà cấp 4 (vách tường, cột bê tông cốt thép, mái lợp tole lạnh và tole xi măng, nền lát gạch men) bà H không có ngăn cản. Trong quá trình sử dụng bà A có trồng 01 bụi Trúc, 03 bụi Chuối, 01 cây Cao, ngoài ra có 03 ngôi mộ (của Cha, Mẹ, ông Nội bà A).

Năm 1990 do hoàn cảnh khó khăn bà A đi buôn bán xa không thường xuyên ở nhà, nên chị ruột bà A là bà Lê Thị Ch (mẹ bà H) tự kê khai phần đất của bà A đang sử dụng và được Ủy ban huyện Long Hồ (cũ) cấp giấy chứng nhận QSDĐ số A 666920, diện tích đất 1.780m² vào ngày 21/5/1991. Đến năm 1992 bà A phát hiện bà Ch đứng tên quyền sử dụng đất của bà, nên bà yêu cầu bà Ch làm thủ tục tách thửa trả lại cho bà, nhưng bà Ch không đồng ý. Năm 2001 bà A khiếu nại và tại Quyết định số 421/QĐ.UBH ngày 14/6/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Mang

Thít công nhận 300m² đất cho bà A, ngày 02/12/2010 Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít ban hành Quyết định số 4251/QĐ-UBND, hủy bỏ Quyết định số 421, lý do không tổng đạt Quyết định 421 đến bà Ch, nay đã hết hiệu lực.

Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho bà Lê Ngọc A diện tích 266,2 m² theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 07/02/2012 cung cấp cho Tòa án, thuộc chiết thửa 585, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, gắn liền với nhà, cây trồng và các phần mộ.

Về giá đất, cây, nhà thống nhất theo biên bản định giá do Tòa án thành lập ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại thư trả lời ngày 09/11/2015 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Nguồn gốc đất thửa 585, diện tích 1.701,4m² là do chồng bà H là ông Châu Văn Th (chết năm 2010) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn X 1000m², diện tích còn lại là của bà Lê Thị Ch (chết 2011) nhận thừa kế của cụ Lê Văn L. Năm 2007 bà Ch tặng cho bà H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2009. Do bà A không có đất ở, nên sau khi cụ L chết thì bà A xin bà Ch cho đất cất nhà ở, khi cụ X chết thì bà Ch vẫn cho bà A tiếp tục ở. Năm 2006 Nhà nước thu hồi đất làm lộ bà A tự di dời vào vị trí bên trong ở như hiện nay. Cây, nhà do bà A trồng và xây dựng là đúng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà H không còn thể chấp vay vốn Ngân hàng.

Bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A, vì đất do ông, bà để lại cho bà Ch, bà Ch để lại cho bà H. Cụ L, cụ X không có cho đất bà A.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H trình bày: Phần đất tranh chấp của bà Ch, bà Ch để lại cho bà H đứng tên, hiện nay anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Phần đất tranh chấp của ông ngoại cho đứt bà A thời gian trước giải phóng là thật. Nay có tranh chấp giữa bà A với bà H, bà L không có yêu cầu độc lập trong vụ án và đề nghị xem xét cho bà A.

- Tại công văn số 227/UBND-NC, ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít về việc phúc đáp công văn số 11/2015/CV-TA, ngày 16/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít: Ngày 29/4/2009 bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AO 501241, sổ vào sổ H 44520, thửa 585, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.701,4m², đất tọa lạc tại: Ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tại mục I của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện bà Lê Thị H, do đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho cá nhân bà Lê Thị H. Ngày 02/12/2010 Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít ban hành quyết định số 4250/QĐ-UBND “V/v thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị H, cư ngụ ấp K, xã M, huyện Mang Thít” Lý do: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà Lê Thị H không đúng quy định. Đến nay thửa đất trên Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít chưa cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST, ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Ngọc A;

Công nhận cho bà Lê Ngọc A được quyền sử dụng diện tích 266,2 m², gắn liền với nhà, cây trồng, phần mộ, thuộc chiết thửa 585, tờ bản đồ số 04, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 07/02/2012, gồm các mốc 1, 6, 8, 2, 1 (kèm theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 07/02/2012).

Bà Lê Ngọc A có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai phần đất được công nhận theo qui định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, khảo sát, định giá, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 13/6/2018 bị đơn bà Lê Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Công nhận phần đất diện tích 266,2m² gắn liền với nhà, cây trồng, phần mộ, thuộc chiết thửa 585, tờ bản đồ số 04, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cho bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Lê Thị H và chị Lê Thị Minh H đại diện hợp pháp của bà H sửa đổi kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Công nhận cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng, phần mộ. Trong trường hợp bà A không trả lại đất thì yêu cầu bà A trả giá trị diện tích 266,2m² với giá 2.500.000 đồng/1m².

- Nguyên đơn bà Lê Ngọc A không đồng ý với kháng cáo của bà H được sửa đổi tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà H và bà A cùng xác định: Phần đất tranh chấp thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ do bà A đang quản lý, sử dụng.

- Bà H và bà A cùng thống nhất giá đất tranh chấp là 2.500.000 đồng/1m² để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà H. Công nhận cho bà Lê Ngọc A được quyền sử dụng thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến

khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Luật sư và các đương sự có mặt đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H. Áp dụng khoản 2 điều 308 của BLTTDS năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít. Công nhận cho bà Lê Ngọc A được quyền sử dụng thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên đương sự có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục*: Bị đơn bà Lê Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H sửa đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết công nhận cho bà H được quyền sử dụng thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ. Việc thay đổi kháng cáo của bà H không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 284, Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*:

[1] Xét việc, bà H kháng cáo yêu cầu công nhận cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ là không có cơ sở chấp nhận. Vì, phần đất tranh chấp thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ có nguồn gốc của cụ Lê Văn L (là cha ruột của bà Lê Thị Ch và bà Lê Ngọc A), năm 1977 bà Lê Ngọc A ly dị chồng về chung sống với gia đình, bà A được gia đình cho đất cất nhà ở cho đến nay. Năm 1990, do bà A bận đi buôn bán không có ở nhà thường xuyên nên việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất do bà Lê Thị Ch (mẹ bà H) đăng ký chung với phần đất của bà Ch với tổng diện tích 1.780m² được Ủy ban

nhân dân huyện Long Hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 566920 ngày 21/5/1991. Năm 2000, bà A phát hiện bà Ch kê khai đứng tên phần đất ngay tại vị trí bà A được cho cất nhà ở vào năm 1977. Nên bà A khiếu nại xin được đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 300m² ngay tại căn nhà bà đang ở. Qua kết quả xác minh Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít nhận xét và kết luận: Phần đất tranh chấp bà A đã sử dụng ổn định từ năm 1977 đến nay, được gia đình thống nhất cho lúc bà ly dị chồng về chung sống với gia đình. Do đó bà A được quyền sử dụng là phù hợp với pháp luật. Tại cuộc họp ngày 14/9/2000, Hội đồng xét khiếu tố huyện Mang Thít thống nhất công nhận quyền sử dụng đất cho bà A diện tích 300m². Từ đó Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít ban hành Quyết định số 421/QĐ.UBH ngày 14/6/2001 công nhận 300m² đất cho bà A, ngày 02/12/2010 Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít ban hành Quyết định số 4251/QĐ-UBND, hủy bỏ Quyết định số 421, lý do không tổng đạt Quyết định 421 đến bà Ch, nay đã hết hiệu lực. Năm 2007 bà Ch tặng cho bà H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2009. Ngày 02/12/2010 Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít ban hành Quyết định số 4250/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H, lý do đất đang tranh chấp nhưng đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại công văn số 227/UBND-NC ngày 20/3/2015 (BL150) Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít xác định đến nay thửa đất số 585 chưa được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Bà A sử dụng đất cất nhà ở ổn định từ năm 1977 cho đến nay, phía bà H không có ngăn cản nên cấp sơ thẩm công nhận cho bà Lê Ngọc A được quyền sử dụng diện tích 266,2m², gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ, thuộc chiết thửa 585, tờ bản đồ số 04, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở. Tuy nhiên, tại Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất phục vụ cho công tác xét xử của Tòa án do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít cung cấp đề ngày 07/02/2012 thì phần đất tranh chấp mà bà A yêu cầu công nhận cho bà A được quyền sử dụng là thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ. Nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên công nhận cho bà Lê Ngọc A được quyền sử dụng diện tích 266,2m², gắn liền với nhà, cây trồng, phần mộ, thuộc chiết thửa 585, tờ bản đồ số 04, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, hiện tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 07/02/2012, gồm các mốc 1, 6, 8, 2, 1 là chưa chính xác không đúng với sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được thể hiện tại Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít cung cấp đề ngày 07/02/2012 gây khó khăn trong việc thi hành án, nên được sửa lại như sau: Công nhận cho bà Lê Ngọc A được quyền sử dụng thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 1, 2, 8, 7, 6, 1 và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 9, 10, 11, 12, 9, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ.

[2] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Anh và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[3] Từ các nhận định trên: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H; chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà Lê Thị H nộp 4.858.000 đồng (bốn triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa chính xác. Vì, trong vụ án này giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Đối chiếu với quy định này thì bà H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Bà H thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST, ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Áp dụng: Các Điều 147, 157, 161, 165, 244, 284, 298 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 164, 169, 170, 247, 255, 261 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 3, 24, 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc A.

2. Công nhận cho bà Lê Ngọc A được quyền sử dụng thửa 585-2 diện tích 244,1m² loại đất ONT+LNQ; có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 1, 2, 8, 7, 6, 1 và thửa 585-3 diện tích 22,1m² loại đất ONT-LNQ; có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 9, 10, 11, 12, 9, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với nhà, cây trồng và phần mộ (có Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít cung cấp đề ngày 07/02/2012 kèm theo bản án).

3. Bà A có quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí khảo sát, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) bà Lê Thị H phải chịu, bà Lê Ngọc A đã nộp tạm ứng xong, nên buộc bà Lê Thị H phải có trách nhiệm nộp hoàn trả cho bà Lê Ngọc A là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị H.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Ngọc A 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, theo biên lai thu số: 001978, ngày 13/6/2011.

7. Về án phí phúc thẩm: Bà H không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, theo biên lai thu số: 0006546, ngày 28/6/2018.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND H. Mang Thít: 01b;
- THADS H. Mang Thít: 02b;
- Đ/sự: 12b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường